

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON THỦY TIÊN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Mầm non Thủy Tiên

Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Sức khỏe đầu năm: 315 trẻ Kênh A: 297 trẻ SDD thấp còi: 01 SDD nhẹ cân: 06 SDD thể còi: 11 DCBP: 52 * Phần đấu cân nặng và chiều cao trẻ đạt theo qui định đến cuối năm Cân nặng: Trai: 11,6 - 17,7 kg Gái: 11,1 - 17,2 kg Chiều cao: Trai: 89,4 - 103,6 cm Gái: 88,4 - 102,7 cm	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện có chất lượng Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 25 tháng 7 năm 2009 theo Thông tư số 17/2009/TT-BGD-ĐT ngày 25/7/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016. * Xây dựng và thực hiện có chất lượng chương trình Nhà trường: Theo nhu cầu của Phụ huynh: + Chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ Mầm non + Chương trình Thể dục nhịp điệu + Chương trình Hội họa cho trẻ Mầm non "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025" theo kế hoạch số 262/KH-BGDĐT. Sử dụng bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi hỗ trợ thực hiện chương trình.	

III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Mục tiêu: Giúp trẻ phát triển hài hoà về các về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng sống và thẩm mỹ. 1. Phát triển vận động + 100% trẻ khoẻ mạnh thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ các nhân. Ban đầu thể hiện được một số tố chất nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể. 2. Phát triển nhận thức + 100% trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan. + 80% thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, biết sử dụng lời nói và hồn nhiên trong giao tiếp. 3. Phát triển ngôn ngữ + 85% trẻ hiểu được yêu cầu, lời nói đơn giản. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu, Biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.	* Mục tiêu: Giúp trẻ phát triển hài hoà về các về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng sống và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học tiểu học. Trẻ mẫu giáo lớn đạt được chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi gồm 5 lĩnh vực, 28 chuẩn và 120 chỉ số. 1. Phát triển thể chất + 100% trẻ khoẻ mạnh tăng cân đều có khả năng phối hợp các cơ quan vận động đúng tư thế, vững vàng và biết định hướng đúng không gian + 100% trẻ biết tin tưởng vào khả năng của bản thân mình, thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh. 2. Phát triển nhận thức - 100% trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường thiên nhiên: nhận biết được các bộ phận cơ thể, các đồ vật, động thực vật, các hiện tượng thiên nhiên. - 100% trẻ thể hiện 1 số hiểu biết về môi trường xã hội: bản thân, gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng.
		4. Phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội, thẩm mỹ + 95% trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với người thân. + 80% trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân. + 100% trẻ nhận biết biểu lộ với con người và sự vật gần gũi + 90% trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản + 100% trẻ thể hiện cảm xúc	+ 85% trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương. + 80% trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh tại địa phương, trong cả nước. - 100% trẻ biết tập hợp số lượng số thứ tự và đếm - xếp tương ứng. + 90% so sánh, sắp xếp theo các quy tắc đơn giản. + 100% trẻ lớp lớn biết đo lường, nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong

qua hát, vận động theo nhạc, xếp hình, xâu, xem tranh, vẽ nặn...

không gian, một số nhận biết ban đầu về thời gian,

+ 100% trẻ tò mò ham hiểu biết, hay đặt câu hỏi tại sao? Như thế nào?...

+ 100% trẻ thể hiện khả năng suy luận và sáng tạo (mẫu giáo lớn)

3. Phát triển ngôn ngữ

+ 100% trẻ nghe hiểu lời nói.

+ 85% trẻ sử dụng đúng từ ngữ, câu trong cuộc sống hằng ngày.

+ 90% trẻ thích làm quen với việc xem sách.

+ 100% trẻ mẫu giáo lớn được làm quen với việc đọc - viết. nhận dạng được 29 chữ trong bảng chữ cái

+ 90% trẻ nhận biết các ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, cấm lửa, cấm hút thuốc lá, cấm vào nơi nguy hiểm...)

4. Phát triển tình cảm xã hội

+ 100% trẻ thể hiện ý thức được bản thân

+ 90% trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực trong các hoạt động.

+ 100% trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người và sự vật hiện tượng xung quanh.

+ 100% trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.

+ 100% trẻ quan tâm đến môi trường mà trẻ đang hoạt động.

+ 100% trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh

5. Phát triển thẩm mỹ

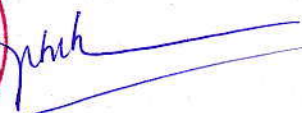
+ 80% trẻ cảm nhận và thể hiện

		cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật + 100% trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình. Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động đặc biệt là âm nhạc, biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát; nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Cơ sở vật chất đảm bảo đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ theo Điều lệ trường mầm non; đồ dùng, đồ chơi và thiết bị dạy học đảm bảo theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010, Thông tư 34/2013 và Văn bản hợp nhất tháng 3/2015 (đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng) Đội ngũ CB, GV, NV đạt chuẩn trở lên, được bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên liên tục. Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và Nhà trường. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của Nhà trường.

Gò Vấp, ngày 18 tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG





Nguyễn Thị Phương Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON THỦY TIỀN

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế của Trường Mầm non Thủy Tiên
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	315	-	-	32	64	96	123
1	Số trẻ em nhóm ghép	-	-	-	-	-	-	-
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	-	-	-	-	-	-	-
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	315	-	-	32	64	96	123
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	-	-	-	-	-	-	-
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	315	-	-	32	64	96	123
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	315	-	-	32	64	96	123
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	315	-	-	32	64	96	123
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	257	-	-	30	57	86	84
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	06			01	02	0	03
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	314	-	-	32	64	95	123
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	01			0	0	01	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	52			01	05	10	36
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	315	-	-	32	64	96	123
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	32	-	-	32	-	-	-
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	283	-	-	-	64	96	123

Gò Vấp, ngày 18 tháng 09 năm 2023



Nguyễn Thị Phương Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON THỦY TIÊN

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của Trường Mầm non Thủy Tiên năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37													
I	Giáo viên	22			19	03	0								
1	Nhà trẻ	03			03						3		03		
2	Mẫu giáo	19			16	03	0		0	8	11		17	02	
II	Cán bộ quản lý	03													
1	Hiệu trưởng	01		01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng	02			02						02	02			
III	Nhân viên	12													
1	Nhân viên văn thư	01					01						01		
2	Nhân viên kế toán	01			01								01		
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	01					01						01		
5	Nhân viên khác	09					02	07					09		
..	..														

Gò Vấp, ngày 31 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON THỦY TIÊN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Thủy Tiên
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	10	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	10	1.86m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ	-	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1.089 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	249m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	628m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	-	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	15m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	99m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	-	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	-	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	64m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	07	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	06	01 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	04	-
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	01	05 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	10	10bộ/10 nhóm (lớp)

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	11	01 thiết bị/01 nhóm (lớp)
2	Máy in	05	02 thiết bị/11 nhóm (lớp)
3	Bảng tương tác	01	01 thiết bị/01 nhóm (lớp)
4	Đầu Video/đầu đĩa	02	01 thiết bị/01 nhóm (lớp)
5	Bàn ghế đúng quy cách	400	40/ 01 nhóm (lớp)
6	Máy điều hoà	07	01 thiết bị/01 nhóm (lớp)

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	05m ²	15m ²	8m ²	1.3m ²	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Gò Vấp, ngày 31 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON THỦY TIÊN

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế của Trường Mầm non Thủy Tiên

Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			6-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	331	-	-	41	79	102	109
1	Số trẻ em nhóm ghép	-	-	-	-	-	-	-
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	-	-	-	-	-	-	-
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	331	-	-	41	79	102	109
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	-	-	-	-	-	-	-
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	331	-	-	41	79	102	109
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	331	-	-	41	79	102	109
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	331	-	-	41	79	102	109
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	331	-	-	41	78	102	109
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân				0	01	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	331	-	-	40	79	102	107
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi				01	0	0	02
5	Số trẻ thừa cân béo phì				02	01	01	06
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	331	-	-	41	79	102	109
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	41	-	-	41	-	-	-
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	290	-	-	-	79	102	109

Gò Vấp, ngày 31 tháng 05 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG
 (Signature)
Nguyễn Thị Phương Thảo